**BẢNG TỔNG HỢP GIẢI ĐÁP VƯỚNG MẮC CỦA NHNN CHI NHÁNH**

**VÀ CÁC TCTD ĐỐI VỚI THÔNG TƯ 35/2015/TT-NHNN**

**(Lần 5)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mẫu biểu** | **Nội dung vướng mắc** | **Đơn vị ý kiến** | **Giải đáp** |
| 1 | 025.1, 025.2-TTGS | - Tên biểu là “Báo cáo dư nợ xấu theo ngành kinh tế” và “Báo cáo dư nợ xấu theo loại hình tổ chức, cá nhân”. Từ tên biểu trên, chúng tôi hiểu rằng, đối tượng của báo cáo này là khách hàng có nợ xấu, những khách hàng KHÔNG có nợ xấu thì sẽ KHÔNG nằm trong phạm vi của báo cáo. Đề nghị NHNN xác nhận cách hiểu của chúng tôi.  - Theo quy định tại điểm 2 điều 9 Thông tư 02/2013/TT-NHNN: “Toàn bộ số dư nợ và giá trị các cam kết ngoại bảng của một khách hàng tại một tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải được phân loại vào cùng một nhóm nợ”. Như vậy nội dung báo cáo của các cột 3, 4, 5, 6 và cột 7, 8, 9, 10 sẽ giống nhau hoàn toàn. Đề nghị NHNN giải thích rõ thêm về mục này. | Ngân hàng Mizuho  Hà Nội | - Tên biểu là “Báo cáo dư nợ xấu theo ngành kinh tế” và “Báo cáo dư nợ xấu theo loại hình tổ chức, cá nhân” để phản ánh tình hình nợ xấu của TCTD theo các tiêu chí thống kê khác nhau, tuy nhiên nếu chỉ có nợ xấu không thì chưa đủ mà phải đi kèm dư nợ tương ứng. Do đó, nội dung 02 biểu trên phải thống kê **Tổng dư nợ** theo ngành (Biểu số 025.1), loại hình tổ chức cá nhân (Biểu số 025.2) phân theo các tiêu chí tại Cột 3, 4, 5, 6 và **Nợ xấu** theo ngành (Biểu số 025.1), loại hình tổ chức cá nhân (Biểu số 025.2) phân theo các tiêu chí tại Cột 7, 8, 9, 10.  - Vì lý do nêu trên nên giá trị cột 3, 4, 5, 6 và cột 7, 8, 9, 10 là khác nhau: cột 3, 4, 5, 6 thể hiện phần dư nợ; cột 7, 8, 9, 10 thể hiện phần nợ xấu.  Báo cáo này là báo cáo tổng dư nợ và nợ xấu của TCTD phân theo ngành kinh tế, không phải thống kê theo từng khách hàng. |
| 2 | 041-DBTK | Bổ sung hướng dẫn cách xác định mã ngành kinh tế, tên ngành kinh tế đối với khách hàng là cá nhân để tạo thuận lợi cho các đơn vị trong quá trình thực hiện. | Công ty tài chính TNHHMTV Kỹ thương | Tại nội dung Ghi chú - Mục 4. Hướng dẫn lập báo cáo NHNN đã hướng dẫn “Khách hàng là cá nhân gửi tiền sẽ được phân tổ vào Hộ gia đình trong ngành cấp 1: “Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình” (mã ngành 0806 tại Bảng 1 Phụ lục 3 Thông tư 35).  Do đó, TCTD thống kê số dư huy động vốn của khách hàng là cá nhân theo hướng dẫn nêu trên. |
| Đối với báo cáo huy động theo ngành nghề: Về khía cạnh giao dịch với khách hàng, ngân hàng khó có thể thu thập được thông tin đầy đủ, chính xác ngành nghề của khách hàng vì Luật Doanh nghiệp không quy định đăng ký ngành nghề. Ngoài ra, nếu doanh nghiệp đăng ký nhiều ngành nghề khác nhau thì cũng khó xác định được ngành nghề nào phù hợp trong danh mục ngành nghề theo quy định của Thông tư 35. | Ngân hàng Đông Á | Việc phân loại huy động vốn của TCTD theo ngành kinh tế căn cứ vào hồ sơ của khách hàng để xác định ngành kinh tế cho phù hợp.  TCTD cần thu thập đầy đủ thông tin của khách hàng để đảm bảo yêu cầu báo cáo NHNN. |
| 3 | 042-DBTK | Mục 3 “Tiền gửi tiết kiệm” và Mục 4 “Tiền gửi có kỳ hạn” Biểu số 042-DBTK gây khó hiểu cho người nhập dữ liệu. Đề nghị phần ghi chú báo cáo hướng dẫn cho người nhập dữ liệu báo cáo là khi nào đưa vào mục 3 và khi nào đưa vào mục 4 (nghiệp vụ). | NHNN  Nam Định | Điều 3 Quy chế về tiền gửi tiết kiệm ban hành kèm theo Quyết định số 1160/2004/QĐ-NHNN ngày 13/9/2004 quy định đối Đối tượng gửi tiền gửi tiết kiệm như sau:  “1. Đối tượng gửi tiền gửi tiết kiệm bằng đồng Việt Nam là các cá nhân Việt Nam và cá nhân nước ngoài đang sinh sống và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.  2. Đối tượng gửi tiền gửi tiết kiệm bằng ngoại tệ là các cá nhân người cư trú”.  Như vậy, đối tượng gửi tiền gửi tiết kiệm là cá nhân. Hơn nữa, việc phân biệt tiền gửi của khách hàng là tiền gửi tiết kiệm hay tiền gửi có kỳ hạn đã được TCTD phân loại, xác định khi khách hàng đến đăng ký gửi tiền. Do đó, TCTD căn cứ vào hồ sơ khách hàng gửi tiền để thống kê cho phù hợp. |
| 4 | 046, 047-CSTT | Báo cáo lãi suất tiền gửi sẽ lấy số liệu của số dư trên tài khoản 42 (bao gồm cả tiền gửi vốn chuyên dùng và tiền gửi kỹ quỹ). | Ngân hàng Mzuho Hà Nội | Nội dung báo cáo lãi suất tiền gửi tại Biểu số 046, 047-CSTT được thực hiện trên cơ sở tổng hợp theo yêu cầu báo cáo từ các mức lãi suất tiền gửi tương ứng áp dụng cho các khoản tiền gửi phù hợp với quy định tại khoản 13 Điều 4 Luật TCTD *(Nhận tiền gửi là hoạt động nhận tiền của tổ chức, cá nhân dưới hình thức tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm, phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu và các hình thức nhận tiền gửi khác theo nguyên tắc có hoàn trả đầy đủ tiền gốc, lãi cho người gửi tiền theo thỏa thuận).* Do vậy, TCTD căn cứ vào quy định nêu trên để xác định các khoản tiền gửi làm căn cứ tính lãi suất theo mẫu biểu quy định tại Thông tư 35. |
| 5 | 046-CSTT | Đề nghị NHNN hướng dẫn khi tính lãi suất huy động bình quân có tính phần huy động không kỳ hạn hay không? | Ngân hàng Standard Chartered | NHNN hướng dẫn lập báo cáo Biểu số 046-CSTT như sau “Lãi suất tiền gửi bình quân bằng VND hoặc USD của kỳ báo cáo đối với các tổ chức, cá nhân trên thị trường 1 là lãi suất tiền gửi bình quân tại thời điểm cuối kỳ báo cáo và được tính bằng bình quân gia quyền giữa số dư tiền gửi bằng VND hoặc USD với lãi suất tiền gửi bằng VND hoặc USD tương ứng áp dụng cho khoản tiền gửi đó”.  Theo đó, dư nợ tiền gửi không kỳ hạn và mức lãi suất tương ứng được đưa vào tính toán để xác định lãi suất huy động bình quân tại Biểu số 046-CSTT. |
| 6 | 047-CSTT | - Theo yêu cầu báo cáo của NHNN: Lãi suất tiền gửi đối với loại không kỳ hạn (tính theo tỷ trọng doanh số lớn nhất).  - Thực trạng tại SCVL:  + Có rất nhiều hình thức lãi suất khác nhau cho các khách hàng mở tài khoản vãng lai:  Lãi suất USD = 0% Lãi suất VND = áp dụng lãi suất Flat hoặc Tier từ 1 đến 5 (progressive/regressive).  + Không có báo cáo cho lãi suất cho tài khoản vãng lai.  + Không có báo cáo giao dịch của các tài khoản vãng lai để lấy “tỷ trọng doanh số lớn nhất”.  + Trong trường hợp lấy được các báo cáo trên thì cũng không tính được lãi suất theo tỷ trọng doanh số lớn nhất vì quá phức tạp cho trường hợp Tier từ 1->5 (progressive/regressive).  Do đó, đề nghị NHNN xem xét và chấp thuận cách tính của SCBVL như sau: SCB tính lãi suất trung bình của tài khoản vãng lai (VND) bằng cách lấy tổng lãi đã trả cho các tài khoản vãng lai chia cho dư nợ trung bình của tài khoản vãng lai tại thời điểm báo cáo. | Ngân hàng Standard Chartered | NHNN hướng dẫn lập báo cáo của Biểu số 047- CSTT như sau: “Lãi suất tiền gửi/cho vay phổ biến của một kỳ hạn là mức lãi suất mà trong kỳ báo cáo được áp dụng cho nhiều hợp đồng tiền gửi/hoặc hợp đồng cho vay nhất, trường hợp số lượng hợp đồng tiền gửi/cho vay là bằng nhau nhưng có mức lãi suất áp dụng là khác nhau thì TCTD báo cáo mức lãi suất có tỷ trọng doanh số tiền gửi/cho vay phát sinh so với tổng doanh số tiền gửi/cho vay phát sinh trong kỳ là lớn nhất”.  Theo đó, trong trường hợp ngân hàng áp dụng dư nợ bậc thang thì với mỗi mức lãi suất tương ứng với bậc (dải) dư nợ tiền gửi được coi như như 1 hợp đồng. Trên cơ sở đó, TCTD xác định lãi suất tiền gửi phổ biến của một kỳ hạn là mức lãi suất mà trong kỳ báo cáo được áp dụng cho nhiều hợp đồng gửi tiền nhất. |
| 7 | Vụ Chính sách tiền tệ | Trong phần trả lời của NHNN về Lãi suất cho vay phổ biến của một kỳ hạn tại trang 20 - Bảng tổng hợp giải đáp vướng mắc của NHNN liên quan đến quy định tại Thông tư 35 có hướng dẫn: “Lãi suất cho vay phổ biến của một kỳ hạn là mức lãi suất mà trong kỳ báo cáo được áp dụng cho nhiều hợp đồng cho vay nhất, trường hợp số lượng hợp đồng cho vay là bằng nhau nhưng có mức lãi suất áp dụng là khác nhau thì tổ chức tín dụng báo cáo mức lãi suất có tỷ trọng doanh số cho vay phát sinh so với tổng doanh số cho vay phát sinh trong kỳ là lớn nhất. Đây cũng là nội dung hướng dẫn chỉ tiêu lãi suất tại Biểu 047-CSTT.”  Trong trường hợp cùng kỳ hạn cho vay, Trường hợp 1: có nhiều hợp đồng cho vay nhưng tổng dư nợ thấp (có lãi suất cho vay 8,00%) so với trường hợp 2: ít hợp đồng cho vay, như có tổng dư nợ lớn hơn (có lãi suất cho vay 9.5%), ví dụ cụ thể:   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | |  | Kỳ hạn | Lãi suất | Số hợp đồng | Dư nợ (tỷ đồng) | | Trường hợp 1 | Ngắn hạn | 8% | 100 | 250 | | Trường hợp 2 | Ngắn hạn | 9.5% | 50 | 750 |   Vậy trong trường hợp này, chọn lãi suất phổ biến của kỳ hạn vay, chọn 8.00% hay 9,50%.  Kiến nghị: Nên thống nhất báo cáo lãi suất phổ biến của kỳ hạn vay, dựa vào số lượng hợp đồng hoặc tổng dư nợ. | Ngân hàng  Sài Gòn Thương tín | Theo hướng dẫn lập báo cáo của Biểu số 047-CSTT thì “Lãi suất tiền gửi/cho vay phổ biến của một kỳ hạn là mức lãi suất mà trong kỳ báo cáo được áp dụng cho nhiều hợp đồng tiền gửi/hoặc hợp đồng cho vay nhất, trường hợp số lượng hợp đồng tiền gửi/cho vay là bằng nhau nhưng có mức lãi suất áp dụng là khác nhau thì TCTD báo cáo mức lãi suất có tỷ trọng doanh số tiền gửi/cho vay phát sinh so với tổng doanh số tiền gửi/cho vay phát sinh trong kỳ là lớn nhất”.  Do vậy, trong trường hợp với cùng kỳ hạn cho vay, ngân hàng phát sinh 150 hợp đồng trong đó có 100 hợp đồng áp dụng mức lãi suất 8%/năm, 50 hợp đồng áp dụng mức lãi suất 9,5%/năm thì mức lãi suất cho vay phổ biến được báo cáo là 8%/năm tương ứng với số lượng hợp đồng cho vay phát sinh trong kỳ là lớn nhất. |
| 8 | 049-CSTT | TCTD phải báo cáo cho những giao dịch mới phát sinh trong kỳ hay báo cáo tất cả các giao dịch phát sinh từ đầu năm đến thời điểm cuối kỳ báo cáo. | Công ty tài chính TNHH MTV Home Credit VN | Mẫu biểu này yêu cầu báo cáo các hợp đồng phái sinh lãi suất còn hiệu lực đến thời điểm báo cáo. Theo đó, TCTD báo cáo tất cả các giao dịch phát sinh còn hiệu lực tại thời điểm báo cáo. |
| 9 | 055-TT | Do đặc thù hoạt động, những TCTD không có thiết bị ATM, POS/EFTPOS/EDC thì có cần phải thực hiện báo cáo này không? | Công ty tài chính TNHH MTV Home Credit VN | Đối với các Biểu số 050, 051, 052, 054, 055, 057, 058, 059-TT: Các đơn vị không cung ứng các dịch vụ thanh toán như yêu cầu báo cáo cần có đề nghị bằng văn bản về NHNN để NHNN đưa ra khỏi danh sách báo cáo. Ngay khi bắt đầu tham gia cung ứng dịch vụ thanh toán, các đơn vị cần có đề nghị bằng văn bản với NHNN để thực hiện báo cáo theo đúng quy định.  Nội dung này đã được NHNN giải đáp và đăng tải Lần 1 trên Cổng Thông tin điện tử của NHNN. |
| 10 | 065-PHKQ | Cột (14) và (15) phản ánh tỷ lệ các loại tiền thu, chi trong kỳ trong tổng số tiền thu, chi trong tháng đó. Nếu tháng đó không phát sinh thu hay chi tiền mặt thì tổng thu hoặc tổng chi là 0. Như vậy cột 14 và 15 TCTD sẽ không xác định được tỷ lệ, TCTD sẽ để trống các cột này hay điền là 0. | Công ty tài chính TNHH MTV Home Credit VN | Nếu tháng đó không phát sinh thu hay chi tiền mặt thì các TCTD sẽ để trống (không điền dữ liệu) vào cột (14) và cột (15). |
| 11 | 083-CSTT | Hiện nay các Ngân hàng nước ngoài được phép hạch toán các sản phẩm ngoại tệ theo chuẩn mực kế toán quốc tế. Ngân hàng Ngân hàng Standard Chartered sử dụng hệ thống theo chuẩn của Tập đoàn để hạch toán các sản phẩm ngoại tệ, theo đó không tách riêng trên tài khoản ngoại bảng thành hai tài khoản ngoại bảng riêng biệt để hạch toán cam kết ngoại bảng giao ngay chưa đến hạn và cam kết ngoại bảng kỳ hạn chưa đến hạn. Vì vậy khi thực hiện báo cáo trạng thái ngoại tệ, toàn bộ trạng thái ngoại tệ từ cam kết ngoại bảng về ngoại hối được được hạch toán chung sẽ được báo cáo chung một dòng. Việc này không làm ảnh hưởng đến báo cáo trạng thái ngoại tệ chung của Ngân hàng.  Kính đề nghị NHNN xem xét chấp thuận khác biệt trên khi thực hiện báo cáo trạng thái ngoại tệ theo thông tư 35. | Ngân hàng Standard Chartered | Biểu số 083-CSTT báo cáo theo quy định tại Thông tư 07/2012/TT-NHNN, được xây dựng trên cơ sở hướng dẫn của NHNN (Vụ Tài chính - Kế toán) về việc hạch toán tài khoản kế toán liên quan đến tính trạng thái ngoại tệ. Vì vậy, yêu cầu ngân hàng Ngân hàng Standard Chartered thực hiện theo đúng hướng dẫn của NHNN. |
| 12 | 122-TTGS | Theo yêu cầu báo cáo của NHNN: Báo cáo về cấp tín dụng đối với một khách hàng, một khách hàng và người có liên quan (trong đó cần xác định khách hàng A, và người có liên quan đến khách hàng A: khách hàng A1, khách hàng A2,....).  Tuy nhiên, tại SCBVL, dữ liệu của các khách hàng doanh nghiệp lấy từ hệ thống, trong đó một nhóm khách hàng có cùng một "Group ID" nhưng khách hàng có ID gắn với Group ID này lại  không phải là khách hàng/ hoặc là khách hàng nhưng không có dư nợ với SCBVL (ví dụ các công ty con của tập đoàn Mitsui có cùng Group ID và có dư nợ tại SCBVL, nhưng tập đoàn Mitsui không phải là khách hàng của SCBVL hoặc là khách hàng  nhưng không có dư nợ tại SCBVL) thì nhận biết và báo cáo khách hàng A và những người có liên quan đến khách hàng A (A1, A2, A3...) như thế nào? Kính đề nghị NHNN xem xét và hướng dẫn. | Ngân hàng Standard Chartered | 1. Tại phần hướng dẫn Biểu số 122-TTGS đã cụ thể về cách xác định khách hàng và người có liên quan (Phần lưu ý: Mục I, Mục II, Mục III chỉ báo cáo những người có liên quan có dư nợ tại đơn vị báo cáo).  2. Ví dụ: Các công ty con của tập đoàn Mitsui có dư nợ tại SCBVL thì chỉ báo cáo các công ty con của Tập đoàn Mitsui có dư nợ tại SCBVL tại thời điểm báo cáo. Không báo cáo các công ty con của Tập đoàn Mitsui mà không có dư nợ tại SCBVL tại thời điểm báo cáo.  3. Tập đoàn Mitsui không có dư nợ tại SCBVL tại thời điểm báo cáo thì không phải báo cáo. Mặt khác, hiện nay pháp luật Việt Nam chưa có quy định về loại hình tổ chức có tên gọi là Tập đoàn. Việc xác định công ty mẹ, công ty con thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp của Việt Nam. |
| 13 | 126-TTGS | Biểu số 126-TTGS yêu cầu thống kê dư nợ của 10 tổ chức tín dụng khác lớn nhất. Theo đơn vị hiểu là lấy cho vay TCTD (tài khoản kế toán = 20) và tiền gửi tại TCTD khác từ tiền gửi thanh toán (tài khoản kế toán 13\*2 ) là đúng hay sai?  Ví dụ: Dư nợ của 10 khách hàng là tổ chức tín dụng khác lớn nhất (=3.1+….+3.10) -->  Sum số dư của 1 khách hàng bao gồm các khoản sau nếu có phát sinh đồng thời tất cả các nghiệp vụ, lấy tổng số dư của 1 khách hàng, lấy từ cao xuống thấp, lấy 10 khách hàng TCTD đầu tiên {sector =đầu 8)}, bao gồm: cho vay (tài khoản kế toán 20) + mua nợ (tài khoản kế toán 371/372 + tiền gửi tại TCTD khác trừ tiền gửi thanh toán (tài khoản kế toán 13\*2 - lấy sao kê Deposits với tài khoản kế toán là: 1312; 1322; 1332; 1342; 1352; 1362). | Ngân hàng  Sài Gòn Thương tín | Biểu số 126-TTGS đã hướng dẫn "Xác định nợ theo quy định tại Thông tư 02/2013/TT-NHNN". Theo đó, ngoài các khoản cho vay, tiền gửi, nợ bao gồm cả các khoản nợ khác phải phân loại theo quy định tại Thông tư 02/2013/TT-NHNN (Ví dụ: các khoản phải thu phải phân loại nợ,…). |
| 14 | 128.1-TTGS | Mẫu biểu này yêu cầu Ngân hàng ANZ phải thu thập và báo cáo các thông tin liên quan đến công ty mẹ của khách hàng có dư nợ cấp tín dụng trên 500 triệu bao gồm các thông tin: (i) Tên công ty mẹ; (ii) Mã số thuế của công ty mẹ; (iii) CMND/số hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật.  Tuy nhiên, việc thu thập các thông tin về Mã số thuế và CMND/số hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật của công ty mẹ của các khách hàng là rất khó khăn đối với Ngân hàng ANZ vì theo các quy định pháp luật hiện hành thì khách hàng của Ngân hàng không bắt buộc phải cung cấp các thông tin này. Vì vậy, Ngân hàng đề nghị Quý cơ quan xem xét không bắt buộc báo cáo các thông tin này. | Ngân hàng ANZ | Cơ sở pháp lý:  - Khoản 2 Điều 13 Luật các TCTD năm 2010 về "Cung cấp thông tin" quy định: "TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có trách nhiệm cung cấp cho NHNN thông tin liên quan đến hoạt động kinh doanh…".  - Thông tư 35/2015/TT-NHNN ngày 21/12/2015 quy định chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với các TCTD, chi nhánh NHNNg là văn bản quy phạm pháp luật dưới Luật hướng dẫn việc thực hiện quy định nói trên. Do vậy, đây là quy định bắt buộc và các TCTD có nghĩa vụ chấp hành và tuân thủ. |
| 15 | 128.1-TTGS | Hiện khách hàng của SCBVL có một số công ty mẹ sở hữu trên 50% vốn là doanh nghiệp nước ngoài, các doanh nghiệp này chỉ có Số đăng ký kinh doanh (Registration Number) mà không có Mã số thuế, vậy chúng tôi để trống cột (8) "MST của công ty mẹ" có được hay không? Đề nghị NHNN xem xét, hướng dẫn. | Ngân hàng Standard Chartered | Về yêu cầu chung: Báo cáo đầy đủ thông tin yêu cầu tại các biểu báo cáo. Trường hợp không có thông tin hoặc khó thu thập được thông tin yêu cầu tại mẫu biểu, căn cứ quy định tại Luật đầu tư số 67/2014/QH13 về Hồ sơ đăng ký góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của Nhà đầu tư nước ngoài, đối với nhà đầu tư là tổ chức cần cung cấp “bản sao Giấy chứng nhận thành lập hoặc tài liệu tương đương khác xác nhận tư cách pháp lý đối với nhà đầu tư là tổ chức”. Do vậy, để đảm bảo thông tin quản lý về tư cách pháp lý của công ty mẹ, tổ chức tín dụng, chi nhánh NHNNg có thể điền “Số đăng ký kinh doanh” tại cột “Mã số thuế của công ty mẹ” trong trường hợp:  + Công ty mẹ sở hữu trên 50% vốn là doanh nghiệp nước ngoài; và,  + Trước thời điểm báo cáo, TCTD, chi nhánh NHNNg đã báo cáo bằng văn bản gửi NHNN về danh sách các công ty mẹ của khách hàng không có Mã số thuế. |
| 16 | 128.4-TTGS | 1. “Tổng số dư được bảo lãnh được loại trừ với từng khách hàng theo quy định hiện hành của Thống đốc NHNN về Bảo lãnh ngân hàng”. Ngân hàng Ngoại thương thấy có một số văn bản liên quan như sau, đề nghị NHNN nêu rõ văn bản quy định khoản bảo lãnh được loại trừ là văn bản cụ thể nào:  **-** Tại Thông tư 07/2015/TT-NHNN của NHNN không có thông tin về khoản bảo lãnh được loại trừ.  **-** Tại Thông tư 36/2014/TT-NHNN và Thông tư 06/2016/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung Thông tư 36 có quy định về khoản bảo lãnh được loại trừ khi tính giới hạn cấp tín dụng đối với một khách hàng, giới hạn cấp tín dụng đối với một khách hàng và người có liên quan như sau:  + Các khoản bảo lãnh cho bên được bảo lãnh là TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác;  + Các khoản bảo lãnh trên cơ sở bảo lãnh đối ứng của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác;  + Các khoản bảo lãnh trên cơ sở thư tín dụng dự phòng do TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác phát hành;  + Các khoản xác nhận bảo lãnh theo đề nghị của bên bảo lãnh là TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác nếu các bên liên quan thỏa thuận (bằng văn bản) về việc bên xác nhận bảo lãnh được quyền hạch toán ghi nợ và yêu cầu bên bảo lãnh hoàn trả số tiền mà bên xác nhận bảo lãnh trả thay cho bên được bảo lãnh khi thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh;  + Các khoản bảo lãnh và cam kết phát hành dưới các hình thức tín dụng chứng từ có bảo đảm đầy đủ về thời hạn và giá trị bằng tiền gửi đồng Việt Nam; ngoại tệ; vàng; trái phiếu Chính phủ của bên được bảo lãnh và/hoặc bên thứ ba tại thời điểm cấp bảo lãnh và/hoặc cam kết.  2. “Biểu này có liên kết dữ liệu với Biểu số 128.1-TTGS, Biểu số 128.2-TTGS, Biểu số 128.3-TTGS”. Đề nghị NHNN làm rõ Biểu 128.4 liên kết với dữ liệu nào của các Biểu số 128.1, 128.2, 128.3 | Ngân hàng Ngoại thương | (i) Trường hợp nghiệp vụ bảo lãnh phát sinh nhưng chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể của NHNN về các khoản bảo lãnh được loại trừ, đơn vị không thực hiện tính số dư bảo lãnh được loại trừ vào tổng số dư bảo lãnh (cột 4).  (ii) Biểu số 128.4-TTGS liên kết dữ liệu với các Biểu số 128.1-TTGS; 128.2-TTGS; 128.3-TTGS qua mã CIF khách hàng. |
| 17 | 129-TTGS | Liên quan đến Biểu số 129-TTGS, chỉ tiêu "1.5 Dư nợ tín dụng khác" & cột "Cơ quan quản lý của đơn vị báo cáo" (tức là NHNN)  Kính đề nghị NHNN xem xét và hướng dẫn trong trường hợp SCBVL có sản phẩm "Mua bán có kỳ hạn GTCG" với NHNN. Ví dụ SCBVL bán GTCG cho NHNN và nhận 1 khoản tiền, khi đến hạn SCBVL mua lại GTCG đó từ NHNN. Hoặc ngược lại: SCBVL mua GTCG của NHNN và trả 1 khoản tiền, khi đến hạn SCBVL bán lại GTCG đó cho NHNN.  - Sản phẩm "Mua bán có kỳ hạn GTCG" trên có được coi là một khoản cấp tín dụng hay không?  - Nếu coi đây là cấp tín dụng khác thì yêu cầu báo cáo sản phẩm này vào dư nợ cho vay hay dư nợ cấp tín dụng khác? Sản phẩm này có phải báo cáo không; và nếu có thì phải báo cáo tại Biểu số 129-TTGS hay trong biểu nào của Thông tư 35  - Mỗi giao dịch "Mua bán có kỳ hạn GTCG" đều có 2 chiều SCBVL mua và bán GTCG, vậy Biểu số 129-TTGS yêu cầu báo cáo chiều SCBVL mua hay chiều SCBVL bán? Đề nghị NHNN hướng dẫn điền thông tin báo cáo chiều mua/chiều bán vào chỉ tiêu (dòng) nào? | Ngân hàng Standard Chartered | Hoạt động chiết khấu giấy tờ có giá của NHNN đối với các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện theo quy định tại Thông tư 01/2012/TT-NHNN ngày 16/02/2012. Các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài căn cứ vào từng trường hợp cụ thể để báo cáo vào các khoản mục tương ứng.  Nếu NHNN là đơn vị có thẩm quyền **bổ nhiệm trực tiếp** người quản lý, thành viên Ban kiểm soát thì thống kê tại Biểu số 129-TTGS. |
| 18 | 134-TTGS | Trong phần mẫu báo cáo của Biểu số 134 có cột 5 - loại giao dịch trong đó có yêu cầu thông tin về các loại giao dịch như sau:  “...- Cột (5): Tổ chức tín dụng nhập loại giao dịch tín dụng theo phân loại sau:  + Là 1 nếu “Nhận tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác ở nước ngoài”.  + Là 2 nếu “Đi vay tổ chức tín dụng khác ở nước ngoài”.  + Là 3 nếu “Gửi tiền tại các tổ chức tín dụng khác ở nước ngoài”.  + Là 4 nếu “Cho vay tổ chức tín dụng khác ở nước ngoài”.  + Là 5 nếu “Giao dịch vốn vào lãnh thổ Việt Nam từ các tổ chức tín dụng khác ở nước ngoài dưới các hình thức khác (ngoài Nhận tiền gửi và Đi vay)”.  + Là 6 nếu “Cấp tín dụng khác cho các tổ chức tín dụng khác ở nước ngoài (ngoài Gửi tiền và Đi vay)”.  Về 4 loại giao dịch đầu, theo cách hiểu của chúng tôi đó là các khoản cho cho vay và nhận gửi của tổ chức tín dụng với  các tổ chức tín dụng khác ở nước ngoài có thời hạn tương ứng trên và dưới 3 tháng. Tuy nhiên về loại giao dịch 5 và 6 (“Giao dịch vốn vào lãnh thổ Việt Nam từ các tổ chức tín dụng khác ở nước ngoài dưới các hình thức khác (ngoài Nhận tiền gửi và Đi vay)” và “Cấp tín dụng khác cho các tổ chức tín dụng khác ở nước ngoài (ngoài Gửi tiền và Đi vay)”); kính đề nghị Quý NHNN giải thích cụ thể những giao dịch tín dụng nào được xếp vào tương ứng hai loại giao dịch này. | Ngân hàng Standard Chartered | Liên quan đến việc phân loại giao dịch tín dụng tại Biểu số 134-TTGS:  - Đính chính lại hướng dẫn về loại giao dịch số 6: “Cấp tín dụng khác cho các tổ chức tín dụng khác ở nước ngoài (ngoài Gửi tiền và **Cho** vay)”;  - Để xác định giao dịch tín dụng thuộc loại giao dịch số 5 và số 6, tổ chức tín dụng cần căn cứ vào khái niệm cấp tín dụng quy định tại Khoản 14 Điều 4 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và hướng dẫn tại Biểu số 134-TTGS để thực hiện. |
| 19 | 135-TTGS | Theo hướng dẫn lập báo cáo thì phạm vi của báo cáo này là Báo cáo chi tiết từng giao dịch vốn nội bộ giữa đơn vị báo cáo với các đơn vị khác trong cùng hệ thống (giữa Trụ sở chính với chi nhánh khác cùng hệ thống hoặc giữa Chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam với ngân hàng mẹ và các chi nhánh/đơn vị khác cùng Ngân hàng mẹ. Theo cơ chế hoạt động của Ngân hàng ANZ, chúng tôi không thực hiện các giao dịch vốn nội bộ giữa các chi nhánh và giữa các chi nhánh với Hội sở chính. Tuy nhiên, hàng ngày hệ thống sổ cái của ngân hàng ANZ tự động tạo ra các khoản tài khoản nội bộ giữa các chi nhánh để đảm bảo luôn có sự cân đối của Bảng CĐTK của từng chi nhánh. Ngân hàng ANZ không tính lãi giữa các chi nhánh cho các tài khoản nội bộ này. Các tài khoản nội bộ này đang được chuyển đổi (mapping) sang tài khoản thanh toán khác trong cân đối tài khoản của NHNN. Do vậy, tài khoản thanh toán khác có số dư trên cân đối của từng chi nhánh nhưng sẽ được cấn trừ bằng 0 trên cân đối toàn hệ thống. Vì thế, theo các hiểu của Ngân hàng về phạm vi và mục đích của báo cáo này thì Ngân hàng ANZ không phát sinh các giao dịch thuộc phạm vi phải báo cáo. Chúng tôi rất mong nhận được sự hướng dẫn của Quý cơ quan nếu cách hiểu trên của chúng tôi là chưa đúng. | Ngân hàng ANZ | Ngoại trừ các khoản thanh toán cho khách hàng về dịch vụ chuyển tiền giữa các đơn vị trong cùng hệ thống, các TCTD phải thực hiện báo cáo bất cứ giao dịch vốn nội bộ nào phát sinh trên tài khoản thanh toán khác. Việc hạch toán các giao dịch trên tài khoản thanh toán khác phải tuân thủ các quy định tại Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29/4/2004 và các văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi hiện hành có liên quan đến việc ban hành Hệ thống tài khoản kế toán các TCTD. |
| 20 | 160-TTGS | **-** Theo hướng dẫn của NHNNtheo Thông tư 35:  Mục A:  + Toàn bộ các dòng: Cột (3) + Cột (5) - Cột (6) = Cột (7); Cột (4) + Cột (6) - Cột (5) = Cột (8).  + Dòng tổng cộng: Cột (3) = Cột (4); Cột (7) = Cột (8).  **-** Nội dung vướng mắc của Ngân hàng Ngoại thương kính gửi NHNN xin hướng dẫn:  Công thức check như hướng dẫn tại biểu sẽ đúng với khoản chi tiết, tuy nhiên, khi tổng cộng lên, đối với những tài khoản lưỡng tính (cho phép có cả số dư bên Nợ và bên Có) thì nếu check tổng đó sẽ không đúng. | Ngân hàng Ngoại thương | NHNN đã điều chỉnh công thức kiểm tra như sau:  + Tổng dư Nợ đầu kỳ = Tổng dư Có đầu kỳ.  + Tổng số phát sinh Nợ trong kỳ = Tổng số phát sinh Có trong kỳ.  + Tổng dư Nợ cuối kỳ = Tổng dư Có cuối kỳ.  - Mục A:    + Cột (7) - Cột (8) = Cột (3) - Cột (4)  + Cột (5) - Cột (6) áp dụng với toàn bộ các dòng.  + Cột (3) + Cột (5) **-** Cột (6) = Cột (7); Cột (4) + Cột (6) **-** Cột (5) = Cột (8) chỉ áp dụng với các tài khoản có 1 số dư (nợ hoặc có).  + Dòng tổng cộng: Cột (3) = Cột (4); Cột (7) = Cột (8).  - Mục B: Cột (3) + Cột (4) - Cột (5) = Cột (6).  - Tài khoản cấp 1 bằng tổng toàn bộ tài khoản cấp hai thành phần.  - Tài khoản cấp 2 bằng tổng toàn bộ tài khoản cấp ba thành phần. |
| 21 | 162-TTGS | Theo hướng dẫn của NHNNtheo Thông tư 35: NHNN quy định công thức kiểm tra:  Số đầu năm = Số cuối kỳ của báo cáo đã kiểm toán năm kế trước Ví dụ: Năm 2016  Số đầu năm (2016 đối với báo cáo Quý, Bán niên, Năm) = Số cuối kỳ (2015 đã kiểm toán) *(Công thức kiểm tra NHNN thông báo theo Công văn số 6769/NHNN-DBTK ngày 9/9/2016)*  **-** Nội dung vướng mắc của Ngân hàng Ngoại thương và ý kiến đề xuất:  Đối với trường hợp có trình bày lại số đầu kỳ/ so sánh cùng kỳ do thay đổi chính sách kế toán hoặc điều chỉnh theo Kiểm toán nhà nước/Kiểm toán độc lập thì số liệu đầu năm/ cùng kỳ năm trước sẽ có thay đổi so với số cuối kỳ của báo cáo đã kiểm toán năm kế trước/báo cáo đã công bố các kỳ trước. Do đó, đề nghị bỏ Công thức kiểm tra nội dung này. | Ngân hàng Ngoại thương | Đã ghi nhận chuyển việc kiểm tra công thức tại NHNN. Cán bộ kiểm duyệt sẽ bỏ qua công thức kiểm tra nếu gặp trường hợp sai lệch số liệu do điều chỉnh theo kết quả kiểm toán. |
| 22 | 165-TTGS | Theo hướng dẫn của NHNNtheo Thông tư 35: Số liệu báo cáo tại cột Cùng kỳ năm trước (Bao gồm số liệu: Phát sinh trong kỳ; Lũy kế từ đầu năm đến thời điểm kết thúc kỳ báo cáo) của kỳ số liệu  X + 1 phải bằng số liệu báo cáo tại cột Kỳ báo cáo (Bao gồm số liệu: Phát sinh trong kỳ; Lũy kế từ đầu năm đến thời điểm kết thúc kỳ báo cáo) của kỳ số liệu X*(Công thức kiểm tra NHNN thông báo theo Công văn số 6769/NHNN-DBTK ngày 9/9/2016).*  Như vậy, đối với trường hợp có trình bày lại số đầu kỳ/so sánh cùng kỳ do thay đổi chính sách kế toán hoặc điều chỉnh theo Kiểm toán nhà nước/Kiểm toán độc lập thì số liệu đầu năm/ cùng kỳ năm trước sẽ có thay đổi so với số cuối kỳ của báo cáo đã kiểm toán năm kế trước/báo cáo đã công bố các kỳ trước. Do đó, đề nghị bỏ Công thức kiểm tra nội dung này. | Ngân hàng Ngoại thương | Đã ghi nhận chuyển việc kiểm tra công thức tại NHNN. Cán bộ kiểm duyệt sẽ bỏ qua công thức kiểm tra nếu gặp trường hợp sai lệch số liệu do điều chỉnh theo kết quả kiểm toán. |
| 23 | 168-TTGS | Theo hướng dẫn của NHNNtheo Thông tư 35: Số liệu báo cáo tại cột **năm trước** của kỳ số liệu **X + 1** phải bằng số liệu báo cáo tại cột **năm nay** của kỳ số liệu **X** *(Công thức kiểm tra NHNN thông báo theo Công văn số 6769/NHNN-DBTK ngày 9/9/2016).*  Đối với trường hợp có trình bày lại số đầu kỳ/so sánh cùng kỳ do thay đổi chính sách kế toán hoặc điều chỉnh theo Kiểm toán nhà nước/Kiểm toán độc lập thì số liệu đầu năm/ cùng kỳ năm trước sẽ có thay đổi so với số cuối kỳ của báo cáo đã kiểm toán năm kế trước/ báo cáo đã công bố các kỳ trước. Do đó, đề nghị bỏ Công thức kiểm tra nội dung này. | Ngân hàng Ngoại thương | Đã ghi nhận chuyển việc kiểm tra công thức tại NHNN. Cán bộ kiểm duyệt sẽ bỏ qua công thức kiểm tra nếu gặp trường hợp sai lệch số liệu do điều chỉnh theo kết quả kiểm toán. |
| 24 | 169-TTGS | Theo hướng dẫn của NHNNtheo Thông tư 35: Số liệu báo cáo tại cột **kỳ trước** của kỳ số liệu **X + 1** phải bằng số liệu báo cáo tại cột **kỳ này** của kỳ số liệu **X** *(Công thức kiểm tra NHNN thông báo theo Công văn số 6769/NHNN-DBTK ngày 9/9/2016).*  Như vậy, đối với trường hợp có trình bày lại số đầu kỳ/so sánh cùng kỳ do thay đổi chính sách kế toán hoặc điều chỉnh theo Kiểm toán nhà nước/Kiểm toán độc lập thì số liệu đầu năm/ cùng kỳ năm trước sẽ có thay đổi so với số cuối kỳ của báo cáo đã kiểm toán năm kế trước/báo cáo đã công bố các kỳ trước. Do đó, đề nghị bỏ Công thức kiểm tra nội dung này. | Ngân hàng Ngoại thương | Đã ghi nhận chuyển việc kiểm tra công thức tại NHNN. Cán bộ kiểm duyệt sẽ bỏ qua công thức kiểm tra nếu gặp trường hợp sai lệch số liệu do điều chỉnh theo kết quả kiểm toán. |
| 25 | 169-TTGS | Tại Biểu số 169-TTGS có nội dung cột “kỳ trước” nhưng chưa hướng dẫn cụ thể cách lập số liệu. Trong khi đó, theo Thông tư 49/2014/TT-NHNN ngày 31/12/2014 về Chế độ báo cáo tài chính đối với các TCTD mà hiện nay Ngân hàng Hợp tác xã đang thực hiện báo cáo quy định số liệu “Kỳ trước” của Biểu số 169-TTGS theo Thông tư 35/2015/TT-NHNN.  - Chỉ tiêu “Thời gian phân bổ”: Tại đơn vị có thể phát sinh nhiều món lợi thế thương mại không cùng một thời gian phân bổ thì lấy theo thời gian phân bổ bình quân của tất cả các món lợi thế thương mại hay lấy theo thời gian nào? Nếu lấy thời gian bình quân thì đề nghị NHNN hướng dẫn cách tính. | Ngân hàng Hợp tác xã | - Đối với báo cáo tài chính giữa niên độ: "Kỳ trước" là quý trước;  - Đối với báo cáo tài chính bán niên và năm: "Kỳ trước" là cuối năm trước.  - Thời gian phân bổ: Việc phân bổ lợi thế thương mại tuân theo chế độ tài chính kế toán hiện hành, chuẩn mực kế toán Việt Nam. |
| 26 | 014N-TTGS (Công văn 6643) | Theo Luật TCTD năm 2010 và công văn số 991/NHNN-TTGSNH ngày 19/02/2013, "Bao thanh toán là hình thức cấp tín dụng cho bên bán hàng hoặc bên mua hàng thông qua việc mua lại có bảo lưu quyền truy đòi các khoản phải thu hoặc các khoản phải trả...". Tuy nhiên trong các mẫu biểu báo cáo của NHNN vẫn có cột (5), (7), (11), (13) yêu cầu báo cáo doanh số và dư nợ bao thanh toán miễn truy đòi.  Vì vậy đề nghị NHNN bỏ hoặc hướng dẫn cụ thể để làm rõ nội dung báo cáo này.  **-** Cột (16): Tổng dư nợ bao thanh toán = cột (10) + (11) + (12) + (13) + (14) + (15).  Đề nghị NHNN xem lại công thức tính vì tổng dư nợ bao thanh toán trong nước và bao thanh toán xuất nhập khẩu (tức tổng giá trị các cột (10), (11), (12), (13)) bằng tổng dư nợ bao thanh toán bên bán và bao thanh toán bên mua (cột (tức tổng giá trị các cột (14), (15)) và đề nghị sửa lại Tổng dư nợ bao thanh toán bằng cột (14) + cột (15).  **-** Cột (17), (18) biểu báo cáo 014N-TTGS yêu cầu báo cáo về thu nhập từ hoạt động bao thanh toán.  Đề nghị NHNN làm rõ thu nhập ở đây bao gồm những gì (phí hoặc lãi hay cả hai ..v..v, cần có giải thích cụ thể hơn).  **-** Đề nghị NHNN làm rõ khái niệm Dư nợ bao thanh toán bên mua vì Quy chế 1096 chỉ có khái niệm Số dư bao thanh toán là số dư ứng trước cho bên bán hàng.  **-** Biểu 80 “Báo cáo hoạt động bao thanh toán” NHNN ban hành theo Công văn số 1054/NHNN-DBTK ngày 14/02/2015 hiện tại Ngân hàng Ngoại thương gửi báo cáo NHNN hàng tháng đã bao gồm nội dung về dư nợ bao thanh toán, phân loại nợ tương tự nội dung tại mẫu biểu 014N-TTGS.  Ngân hàng Ngoại thươngnhận thấy mẫu biểu 014N-TTGS đã bao gồm các nội dung quan trọng cần báo cáo của Biểu 80 ở trên vì vậy đề nghị NHNN bỏ yêu cầu báo cáo theo biểu 80 khi bắt đầu áp dụng biểu 014N-TTGS theo TT35 hoặc gộp các nội dung báo cáo tại 2 biểu này thành 1 biểu để tránh trùng lặp nội dung cần báo cáo. | Ngân hàng Ngoại thương | - Về các ý kiến về sửa đổi, giải thích Biểu 014N-TTGS:  + Các nội dung báo cáo phần dư nợ bao thanh toán không có quyền truy đòi, trong trường hợp các TCTD không thực hiện nghiệp vụ thì báo cáo là không phát sinh;  + Ghi nhận ý kiến của TCTD về việc tính toán cột (16) và hướng dẫn thống kê tại cột (16), (17) Biểu số 014N-TTGS như sau:  ***“- Cột (16): Chỉ nhập số và không nhập ký tự %. Ví dụ: Tỷ lệ là 20%, nhập 20 (không nhập %). Trong đó: Tổng dư nợ bao thanh toán xác định bằng tổng số dư của hoạt động bao thanh toán”.***  ***- Cột (17): Thống kê Thu nhập lũy kế đến cuối kỳ báo cáo từ hoạt động bao thanh toán, bao gồm cả lãi và phí bao thanh toán”.***  + Thu nhập từ hoạt động bao thanh toán bao gồm cả lãi và phí bao thanh toán;  + Dư nợ bao thanh toán bên mua là số dư bao thanh toán xuất phát từ hợp đồng bao thanh toán bên mua hàng.  - Về việc loại bỏ/hợp nhất các biểu báo cáo bao thanh toán: Nhất trí với ý kiến của TCTD về Biểu 80 theo Công văn số 1054/NHNN-DBTK. Theo đó NHNN sẽ tiến hành rà soát chung sau khi Thông tư có hiệu lực, đồng thời NHNN sẽ có văn bản bãi bỏ một số mẫu biểu trùng lắp với Thông thư 35. |
| 27 | 021N-TTGS (Công văn 6643) | Hiện SCBVL chỉ làm OMO với NHNN, ngoài ra tái cấp vốn theo Thông tư 17 là phải được NHNN phê duyệt từng lần và có được ưu đãi. Vì vậy, theo cách hiểu của SCBVL, chúng tôi không thuộc diện báo cáo của biểu này. Đề nghị Quý NHNN xem xét và hướng dẫn. | Ngân hàng Standard Chartered | Ngân hàng chỉ báo cáo Biểu số 021N-TTGS khi phát sinh nghiệp vụ tái cấp vốn.  Trường hợp TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không phát sinh số liệu báo cáo đơn vị gửi báo cáo Không phát sinh. |
| 28 | 022N-TTGS (Công văn 6643) | 1. Đối với các trường hợp thẻ giả (VIB đã thực hiện bồi hoàn cho Khách hàng) đã được báo cáo trong mẫu 060-TT thì có tiếp tục thực hiện báo cáo trong báo cáo 022N-TTGS này không?  2. Tổn thất cần báo cáo được hiểu là tổn thất ban đầu khi phát hiện hay là tổn thất còn lại không thu hồi được nữa (sau khi cộng thêm Tổn thất phát sinh, và trừ đi Giá trị thu hồi)? | Ngân hàng Quốc tế | 1. TCTD cần thực hiện báo cáo, do đây là hai mẫu biểu độc lập và tiêu chí thống kê khác nhau.  2. Là tổn thất phát sinh (phát hiện) và chỉ kết thúc báo cáo về tổn thất đó trong năm tiếp theo khi đã khắc phục, xử lý xong tổn thất trong năm báo cáo. Ví dụ: tổn thất phát hiện vào tháng 4/2016, xử lý xong trong tháng 6/2016, TCTD vẫn duy trì báo cáo tổn thất đó đến kỳ 12/2016 và dừng báo cáo tại kỳ 01/2017. |
| 29 | 022N-TTGS (Công văn 6643) | Biểu số 022N-TTGS định nghĩa tổn thất hoạt động là các tổn thất tài chính nhưng Biểu số 023N-TTGS trong danh mục phân loại sự cố báo cáo về cả Phi tài chính, như vậy Biểu số 022N-TTGS có cần phải báo cáo các tổn thất phi tài chính không? Nếu phải báo cáo thì căn cứ vào đâu để ước tính giá trị tổn thất? | Ngân hàng Quốc tế | - Định nghĩa tổn thất hoạt động: Là các rủi ro tổn thất tài chính do các vấn đề liên quan đến quản trị và kiểm soát nội bộ, bao gồm quy trình, con người, hệ thống, sự kiện bên ngoài và rủi ro luật pháp (không bao gồm rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường).  - Tổn thất phi tài chính báo cáo ở đây là các tổn thất liên quan đến pháp luật (bảng hướng dẫn tại Biểu 023), đây là 2 vế của định nghĩa tổn thất hoạt động nên yêu cầu tại 02 mẫu biểu không có gì mâu thuẫn.  - Tổn thất do rủi ro pháp luật có thể có/không gây ra các hậu quả dẫn đến mất mát về tài chính. Trong trường hợp không gây ra hậu quả tài chính thì giá trị tổn thất để trống. |
| 30 | 022N-TTGS (Công văn 6643) | NHNN giải thích rõ hơn nội dung cột “Hoạt động (cấp độ 3)” trong Biểu số 022N-TTGS để các TCTD áp dụng đúng mã loại sự kiện trong quá trình thực hiện:  Ghi nhận sai vị trí (OR112); Gian lận tín dụng /tiền gửi vô giá trị (OR120): trong định nghĩa tổn thất hoạt động đã nêu không bao gồm rủi ro tín dụng; Hoạt động tổ chức (OR311) | Ngân hàng Quốc tế | - Hoạt động cấp độ 3 là chi tiết hóa Hoạt động cấp độ 2.  - Ghi nhận sai vị trí (OR111): Việc ghi nhận các nghiệp vụ không đúng quy định pháp luật, quy định nội bộ của TCTD để lách luật hoặc lách chính sách chung của TCTD nhằm mục đích gian lận  - Gian lận tín dụng/tiền gửi vô giá trị (OR120): Hoạt động gian lận trong tín dụng như làm khống hồ sơ tín dụng/tiền gửi...  - Hoạt động tổ chức (OR311): Tổn thất do việc tổ chức lao động không đúng với vị trí việc làm, điều kiện sức khỏe, luật hoặc thỏa thuận an toàn gây tổn thất cho TCTD. |
| 31 | 022N-TTGS (Công văn 6643) | (1) Theo quy định của NHNN, các nội dung yêu cầu báo cáo bắt buộc gồm:  - Hư hại tài sản giá trị nhỏ hơn 50 triệu đồng và tác động tới hoạt động ngân hàng trên 2 tiếng.  Đề nghị NHNN hướng dẫn cụ thể hơn về phạm vi ảnh hưởng hư hỏng tài sản: Cần làm rõ yêu cầu báo cáo khi tác động tới hoạt động ngân hàng tính trên 1 chi nhánh hay cả hệ thống ngân hàng.  (2) Yêu cầu báo cáo đối với các sự kiện nằm dưới ngưỡng, NHNN quy định các ngân hàng có thể chọn thu thập, báo cáo tổng hợp cho NHNN 3 tháng/lần.  Vướng mắc: Tiêu chí đưa ra cho việc báo cáo các sự kiện dưới ngưỡng chưa rõ ràng. Các sự kiện chọn để báo cáo tổng hợp định kỳ 3 tháng chưa nêu rõ tiêu chí sự kiện cần báo cáo định kỳ 3 tháng (bắt buộc báo cáo sự kiện dưới ngưỡng định kỳ 3 tháng/lần hay tổ chức tín dụng có thể chọn sự kiện để báo cáo/không báo cáo). | Ngân hàng Quân đội | (1) Tính trên cả hệ thống bao gồm cả chi nhánh (biểu này báo cáo cả chi nhánh và toàn hệ thống)  (2) Các sự cố dưới ngưỡng báo cáo 3 tháng/lần chỉ áp dụng đối với các lỗi liên quan đến việc thực hiện giao dịch, quản lý quy trình kinh doanh và các đối tác, nhà cung cấp đối với sự cố làm thiệt hại tài chính. |
| 32 | 023N-TTGS (Công văn 6643) | Đây là báo cáo theo từng sự vụ phát sinh hay là phải báo cáo định kỳ hàng tháng, hay chỉ báo cáo khi có phương án xử lý và kế hoạch hạn chế tổn thất tương lai? | Ngân hàng Quốc tế | Biểu này có liên quan đến Biểu số 022N-TTGS do đó phải báo cáo liên tục (theo định kỳ báo cáo) để cập nhật tiến độ xử lý các tổn thất phát sinh đã báo cáo trong Biểu số 022N-TTGS và kết thúc tại năm sau năm xử lý xong tổn thất. Ví dụ tổn thất phát hiện vào tháng 4/2016, xử lý xong trong tháng 6/2016, TCTD vẫn duy trì báo cáo tổn thất đó đến kỳ 12/2016 và dừng báo cáo tại kỳ 01/2017. |
| 33 | 023N-TTGS (Công văn 6643) | Giá trị tổn thất đã xử lý/thu hồi chỉ được xác định theo 4 phương thức: Từ dự phòng rủi ro, Từ người liên quan trong nội bộ, Từ bảo hiểm rủi ro, Từ các đối tượng bên ngoài. Nếu chưa có phương án hoặc phương án vẫn đang ở các khoản phải thu hoặc phương án chia sẻ trách nhiệm thì ghi nhận như thế nào? | Ngân hàng Quốc tế | Nếu chưa xử lý tổn thất thì vẫn báo cáo tổn thất phát sinh nhưng để trống phần xử lý. |
| 34 | 023N-TTGS (Công văn 6643) | Giá trị tổn thất đã xử lý/ thu hồi Là giá trị tổn thất đã xử lý/ thu hồi lũy kế đến thời điểm báo cáo. Vậy, "lũy kế" là tính từ thời điểm nào?  Đề xuất: ghi rõ là lũy kế từ thời điểm nào, ví dụ từ đầu năm theo lịch dương (ngày 1/1 của năm theo lịch dương) | Ngân hàng Quốc tế | Lũy kế từ thời điểm bắt đầu xử lý/thu hồi tổn thất. |
| 35 | 023N-TTGS (Công văn 6643) | Kế hoạch hạn chế tổn thất tương tự trong tương lai: Theo định nghĩa thì "Các kế hoạch hành động cần phải rõ ràng, thực tế và có thể thực hiện được trong năm". Như vậy, nếu các hành động được xác định là chỉ có thể thực hiện trong năm kế tiếp thì có phải liệt kê trong báo cáo này không? Và chỉ những hành động thực hiện trong năm mới phải báo cáo? | Ngân hàng Quốc tế | Có thống kê trong báo cáo. |
| 36 | 023N-TTGS (Công văn 6643) | Các sự cố dưới ngưỡng báo cáo bắt buộc gửi 3 tháng/lần thực hiện theo mẫu nào? | Ngân hàng Quốc tế | Các sự cố dưới ngưỡng báo cáo bắt buộc, các ngân hàng có thể chọn thu thập, báo cáo tổng hợp cho NHNN 03 tháng/lần áp dụng đối với Các lỗi liên quan đến việc thực hiện giao dịch, quản lý quy trình kinh doanh, và các đối tác/nhà cung cấp báo cáo theo Biểu 023N-TTGS. |
| 37 | 023N-TTGS (Công văn 6643) | Tất cả các sự cố gây gián đoạn hoạt động của Ngân hàng trong vòng > 2 tiếng và nhỏ hơn 48 giờ: xảy ra đối với 1 ATM hoặc 1 chi nhánh có thực hiện báo cáo theo mẫu 023N-TTGS này không? NHNN làm rõ phạm vi báo cáo. | Ngân hàng Quốc tế | Tất cả các sự cố gây gián đoạn hoạt động của Ngân hàng trong vòng > 2 tiếng và nhỏ hơn 48 giờ áp dụng đối với Gián đoạn hoạt động và Lỗi hệ thống IT có thực hiện báo cáo theo Biểu số 023N-TTGS. |
| 38 | 023N-TTGS (Công văn 6643) | Các giá trị tổn thất báo cáo được quy đổi ra tài chính như thế nào? | Ngân hàng Quốc tế | Quy đổi ra chi phí mà TCTD phải sử dụng để xử lý tổn thất. |
| 39 | 023N-TTGS (Công văn 6643) | 1. Thông tin Khách hàng liên quan: SKRRHĐ phát sinh có liên quan đến khách hàng thì 3 trường thông tin (3)-Tên khách hàng; (4)-Mã CIF khách hàng, (5)-Mã số thuế/CMND/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân. Do vậy đề nghị làm rõ TCTD phải báo cáo đầy đủ cả 3 trường dữ liệu hay chỉ cần báo cáo 1 trường thông tin có dữ liệu.  '2. Giá trị tổn thất ước tính: Đề nghị làm rõ Giá trị tổn thất được xác định là giá trị tổn thất ròng tại thời điểm báo cáo (Net loss) hay tổng giá trị tổn thất ban đầu (Gross Loss).  3. Ngày phát sinh: Theo hướng dẫn hiện nay, ngày phát sinh là ngày phát hiện tổn thất tuy nhiên nếu sự kiện xảy ra vào tháng 9 nhưng tháng 10 mới phát hiện, nếu ghi nhận tổn thất cho tháng 10 là không phù hợp. Đề nghị làm rõ đối với trường thông tin này.  4. Đơn vị tính: Triệu VNĐ  Đề nghị có hướng dẫn thời điểm và bảng tỷ giá áp dụng khi quy đổi giá trị tổn thất từ ngoại tệ về VNĐ đối với SKRRHĐ có tổn thất xảy ra đối với đồng ngoại tệ.  5. Mã loại vụ việc: Mã này được xác định theo nguyên nhân hay hậu quả sự kiện. Ví dụ: Không thực hiện xác thực khách hàng dẫn tới khách hàng giải mạo chữ ký rút tiền trái phép từ tài khoản, khi đó mã loại vụ việc được xác định là OR211 hay OR731. | Ngân hàng Standard Chartered | 1. TCTD phải báo cáo đầy đủ cả 3 trường dữ liệu.  2. Là giá trị tổn thất tại thời điểm phát hiện tổn thất. TCTD sẽ phải xử lý tổn thất này.  3. Đối với trường hợp có nhiều sự kiện, việc xác định thời điểm xẩy ra sự kiện là không khả thi. Và trong thực tế, sự kiện chỉ được nhận diện tại thời điểm phát hiện ra sự kiện lúc đó TCTD sẽ ước tính các tổn thất và có kế hoạch xử lý tổn thất. Do đó, việc ghi nhận ngược lại quá khứ là không cần thiết.  4. Tỷ giá áp dụng để lập báo cáo được NHNN hướng dẫn tại Phần 1 Phụ lục 2 Thông tư 35/2016/TT-NHNN. Đề nghị đơn vị căn cứ để thực hiện.  5. Mã thống kê theo nguyên nhân sự kiện. |
| 40 | 023N-TTGS (Công văn 6643) | 1. Dự Phòng RRHĐ: Thực tế hiện nay chưa có văn bản quy định về việc cho phép trích lập dự phòng rủi ro phi tín dụng (DPRRPTD) cũng như phương pháp trích lập. Như vậy được hiểu là cột này dữ liệu sẽ luôn luôn bằng 0 cho đến khi Bộ tài chính và NHNN có hướng dẫn, do vậy , đề nghị làm rõ mục đích đưa trường thông tin này vào.  2. Giá trị tổn thất đã xử lý/ thu hồi: Đề nghị làm rõ Giá trị tổn thất đã xử lý/thu hồi tương đương với giá trị khôi phục (Recovery) hay giá trị tổn thất ròng tại thời điểm báo cáo (Net loss).  3. Đơn vị tính: Triệu VNĐ Đề nghị có hướng dẫn thời điểm và bảng tỷ giá áp dụng khi quy đổi giá trị tổn thất từ ngoại tệ về VNĐ đối với SKRRHĐ có tổn thất xảy ra đối với đồng ngoại tệ.  4. Chú ý: Đề nghị làm rõ giá trị tài chính ngưỡng 50 triệu VNĐ được xác định trong văn bản này là Tổn thất ròng tại thời điểm báo cáo (Net Loss) hay Tổng giá trị tổn thất ban đầu (Gross Loss).  5. Chú ý: Danh mục phân loại sự cố - cấp độ 1: Hư hại tài sản cố định, công cụ dụng cụ:  Theo công văn 6643/NHNN-DBTK chỉ thực hiện báo cáo liên quan đến "Hư hại tài sản cố định công cụ dụng cụ" khi tác động đến hoạt động của ngân hàng > 2 tiếng và tổn thất < 50 triệu:  Tuy nhiên tại mục Lưu ý của công văn viết: "Tất cả các sự cố gây gián đoạn hoạt động của Ngân hàng trong vòng > 2 tiếng và nhỏ hơn 48 giờ".  Hư hại tài sản cố định, công cụ dụng cụ và gián đoạn hoạt động là 2 loại sự cố cấp 1 của ngân hàng. Do đó, đề nghị giải thích rõ hơn nội dung này.  6. Lưu ý: Footnote (2) (3) trang 51 công văn 6643/NHNN-DBTK: Đề nghị bổ sung/giải thích footnote (2) và (3) của Phân loại sự cố "Gián đoạn hoạt đọng và lỗi hệ thống CNTT" và "Lỗi liên quan đến thực hiện giao dịch, quản lý quá trình tác nghiệp, và Quan hệ đối tác/nhà cung cấp".  7. Lưu ý: Các sự cố dưới ngưỡng báo cáo bắt buộc, các ngân hàng có thể chọn thu thập, báo cáo tổng hợp cho NHNN 03 tháng/lần:  Đề nghị làm rõ là định kỳ 3 tháng TCTD bắt buộc thực hiện báo cáo các sự cố dưới ngưỡng hay TCTD được lựa chọn không báo cáo. | Ngân hàng Standard Chartered | 1. TCTD thực hiện báo cáo cột dữ liệu này bằng 0 cho đến khi có văn bản quy định cụ thể.  2. Giá trị tổn thất đã xử lý/thu hồi là giá trị tổn thất đã xử lý/thu hồi lũy kế đến thời điểm báo cáo. (Lũy kế từ thời điểm bắt đầu xử lý/thu hồi tổn thất).  3. Tỷ giá áp dụng để lập báo cáo được NHNN hướng dẫn tại Phần 1 Phụ lục 2 Thông tư 35/2016/TT-NHNN. Đề nghị đơn vị căn cứ để thực hiện..  4. Tổng giá trị tổn thất ban đầu.  5. Chỉ báo cáo gián đoạn hoạt động và lỗi CNTH đối với các sự cố gây gián đoạn hoạt động của Ngân hàng trong vòng > 2h; < 48h.  6. Chỉ báo cáo gián đoạn hoạt động và lỗi CNTH đối với các sự cố gây gián đoạn hoạt động của Ngân hàng trong vòng > 2h; < 48h.  7. Định kỳ 3 tháng TCTD bắt buộc thực hiện báo cáo các sự cố dưới ngưỡng và báo cáo theo Biểu 23N-TTGS. |
| 41 | DBTK, CQTTGSNH | Thông tư 35 quy định Ngân hàng phải áp dụng tỷ giá trung tâm giữa VND và USD để quy đổi các tài sản, nợ phải trả và các chỉ tiêu báo cáo. Đề nghị NHNN xem xét thêm một lựa chọn cho phép TCTD áp dụng tỷ giá giao dịch của TCTD tại cuối ngày làm việc để phản ánh giá trị tài sản và nợ phải trả theo thực tế của từng Ngân hàng tại thời điểm báo cáo, đồng thời có thể phục vụ mục đích quản lý của Ngân hàng. | Ngân hàng HSBC | Phần 1 Phụ lục 2 Thông tư 35 đã quy định nội dung hướng dẫn báo cáo quy định tại Phụ lục 2 (trong đó bao gồm hướng dẫn về tỷ giá áp dụng để lập báo cáo) áp dụng chung đối với việc thống kê các mẫu biểu báo cáo quy định tại Phần 3 Phụ lục 1. Trường hợp thống kê các mẫu biểu báo cáo khác với hướng dẫn báo cáo quy định tại Phụ lục 2 thì được quy định cụ thể trên các mẫu biểu báo cáo.  Do đó, các TCTD thực hiện theo hướng dẫn về tỷ giá áp dụng để lập báo cáo nêu trên. |
| 42 | Vụ DBTK | Số lượng mẫu biểu không phát sinh của NHCSXH theo thống kê lên tới 46 mẫu biểu. Để giảm việc gửi mẫu biểu báo cáo hàng tháng, đề nghị NHNN cho phép NHCSXH hàng kỳ báo cáo không phải gửi những mẫu biểu không phát sinh, chỉ thực hiện 37 mẫu biểu có phát sinh số liệu báo cáo. | Ngân hàng  Chính sách  Xã hội | - Hệ thống báo cáo thống kê theo Thông tư 31/2013/TT-NHNN không có chức năng duyệt báo cáo không phát sinh của đơn vị (đối với báo cáo định dạng mẫu biểu). Tuy nhiên, đối với Hệ thống Báo cáo NHNN theo Thông tư 35, các đơn vị thuộc NHNN thực hiện tra soát, kiểm duyệt tất cả các dữ liệu chi nhánh, dữ liệu toàn hàng kể cả báo cáo không phát sinh. Vì vậy, các đơn vị báo cáo bắt buộc phải gửi các mẫu biểu không phát sinh.  - Hệ thống Báo cáo NHNN sẽ hỗ trợ các đơn vị báo cáo thực hiện tạo file không phát sinh dễ dàng, thuận lợi trên cơ sở đảm bảo tuân thủ các hoạt động kiểm tra, kiểm soát và khai thác của các đơn vị nghiệp vụ thuộc NHNN. |
| 43 | Cục Công nghệ tin học | Đề nghị NHNN cung cấp định dạng chuẩn đối với từng mẫu biểu và sớm triển khai đồng thời tăng thời gian truyền thử báo cáo. | Ngân hàng  Hàng Hải | NHNN (Cục CNTH) đã có cung cấp mẫu báo cáo điện tử từ ngày 07/10/2016 theo công văn 1453/CNTH5 ngày 07/10/2016. |
| 44 | Đề nghị NHNN triển khai sớm phần mềm đường truyền UDSS và hệ thống Data Submission Portal của NHNN đến các TCTD để các đơn vị chủ động kiểm thử phần mềm và chỉnh sửa kịp thời. | Ngân hàng  Phương Đông | Ngày 21/11/2016, NHNN (Vụ Dự báo, thống kê) đã có công văn số 8914/NHNN-DBTK thông báo đến các đơn vị chủ động liên hệ với NHNN (Cục CNTH) để tham gia thử nghiệm Hệ thống báo cáo NHNN.  Bên cạnh đó, NHNN (Ban Quản lý dự án FSMIMS và Cục Công nghệ tin học) đã có các công văn 832/FSMIMS1 ngày 27/10/2016, 862/FSMIMS1 ngày 04/11/2016, 881/FSMIMS1 ngày 10/11/2016, 941/FSMIMS1 ngày 01/12/2016 và công văn số 966/FSMIMS1 ngày 07/12/2016 hướng dẫn các đơn vị thực hiện kiểm thử vận hành Hệ thống báo cáo NHNN (OAT). |
| 45 | Đề nghị NHNN bổ sung danh sách các báo cáo phải nộp vào hệ thống truyền nhận báo cáo nhằm hỗ trợ ngân hàng kịp thời phát hiện và bổ sung các báo cáo còn thiếu. | Ngân hàng  Woori bank | Hiện tại trên hệ thống đã có các chức năng hỗ trợ đơn vị biết các báo cáo đơn vị mình phải nộp:  - Chức năng hiển thị toàn bộ danh sách các báo cáo đơn vị phải nộp theo kỳ để lựa chọn khi nộp báo cáo.  - Chức năng tra cứu hạn gửi các báo cáo của đơn vị phải gửi.  Phản hồi cuối ngày về danh dách các báo cáo đến hạn, quá hạn. |
| 46 | Trong vòng 10 ngày kể từ ngày hết hiệu lực gửi báo cáo, hệ thống có tự cập nhật thông tin và chuyển trạng thái báo cáo khi TCTD gửi lại báo cáo hay không? | Công ty tài chính TNHH MTV Home Credit VN | Khi hết hạn gửi báo cáo, nếu chưa đến thời hạn khóa hệ thống (hoặc được các Vụ/Cục mở hệ thống), đơn vị vẫn có thể gửi báo cáo. Tuy nhiên, đơn vị phải chú ý về quy tắc đặt tên file (loại file quá hạn) và quy định gửi kèm file thuyết minh (chi tiết tại Công văn 1112/CNTH-NHNN). |
| 47 | Hiện nay, đơn vị chưa rõ thời gian áp dụng báo cáo với riêng định dạng xbrl.  Đề nghị đăng tải tất cả mẫu biểu dưới dạng xbrl để đơn vị có thời gian chuẩn bị. | Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng VN Thịnh vượng | - Thời gian áp dụng báo cáo theo định danh XBRL từ ngày 1/1/2017 theo quy định tại Thông tư 35.  - Đơn vị đã có thể gửi báo cáo theo định dạng XBRL. Tuy nhiên, để đảm bảo việc gửi báo cáo được thành công, đơn vị cần liên hệ với NHNN (Cục CNTH) để thực hiện thử nghiệm và hỗ trợ.  - NHNN đã công bố file taxonomy của các báo cáo tại đường dẫn: <https://sg4.sbv.gov.vn/XBRL/taxo/> |
| 48 | Cục Công nghệ tin học | Phổ biến hướng dẫn hoặc hỗ trợ các TCTD cài đặt các công cụ kiểm tra trước khi gửi báo cáo cho NHNN để giảm thiểu sai sót. | Ngân hàng Bưu điện Liên Việt | Đối với các công thức thuộc phạm vi một báo cáo, hệ thống đã hỗ trợ thực hiện kiểm tra tại mức đơn vị (trước khi gửi lên NHNN).  Chi tiết các quy tắc kiểm tra đã được NHNN trình bày trong quá trình đào tạo về công nghệ thông tin để chuẩn bị triển khai Thông tư 35. |
| 49 |  | 1. NHNN chi nhánh kiến nghị cho phép QTDND được sử dụng internet công cộng (IP động) do chi phí đường truyền Internet IP tĩnh khá cáo.  2. Đề nghị Cục Công nghệ tin học (CNTH) hỗ trợ Chi nhánh đường line trong đợt tập huấn cho QTDND tạo thuận tiện cho việc thực hành trên máy, nghiên cứu phương thức hướng dẫn trực tuyến và phần mềm tin học áp dụng chung cho các QTDND để các QTDND, NHNN chi nhánh thực hiện tốt hơn trong công tác báo cáo thống kê. | Một số NHNN chi nhánh | 1. Do số lượng các Quỹ TDND khá lớn (khoảng 1.300 đơn vị) và phần lớn các Quỹ TDND chưa thể có kết nối riêng đến NHNN nên Cục Công nghệ tin học định hướng các đơn vị kết nối qua mạng Internet để gửi báo cáo. Để đảm bảo an toàn và xác định được các đơn vị kết nối, Cục CNTH sử dụng giải pháp kết nối qua Internet IP tĩnh. Qua khảo sát, chi phí thuê bao dịch vụ Internet IP tĩnh trung bình từ 440.000 đồng đến 1.200.000 đồng (với băng thông 40Mbps thì bình quân thuê bao hàng tháng là khoảng 800.000 đồng). Theo tìm hiểu tại NHNN chi nhánh Bình Định, Chi nhánh chủ trì đứng ra đàm phán với Viettel triển khai cho toàn bộ các Quỹ TDND trên địa bàn để có mức giá ưu đãi (chi phí ban đầu là 440.000 đồng, chi phí hàng tháng 440.000 đồng).  Đến hết ngày 25/10/2016 theo số liệu thống kê từ NHNN chi nhánh các tỉnh, thành phố, về cơ bản các Quỹ TDND đã hoàn thành việc triển khai lắp đặt đường truyền Internet IP tĩnh, sẵn sàng hạ tầng để triển khai Hệ thống báo cáo NHNN.  2. Cục Công nghệ tin học đã hướng dẫn các NHNN chi nhánh tổ chức đào tạo vận hành Hệ thống báo cáo NHNN cho các Quỹ TDND trên địa bàn (tại công văn 115/CNTH5 ngày 19/8/2016 về việc hướng dẫn triển khai Hệ thống báo cáo NHNN theo Thông tư 35 và các yêu cầu khác của NHNN). Theo thống kê, đến hết ngày 23/10/2016, tất cả các NHNN chi nhánh (có Quỹ TDND trên địa bàn) đã hoàn thành thực hiện tập huấn (trừ NHNN chi nhánh Vĩnh Phúc mới tổ chức hội nghị tập huấn từ tháng 7/2016).  Về phương thức hướng dẫn trực tuyến cho các đơn vị: Cục Công nghệ tin học sẽ áp dụng phần mềm Lync (hiện đã áp dụng khi triển khai Dự án SG3.1) để hỗ trợ và giải đáp các vướng mắc trực tuyến cho các NHNN chi nhánh trong quá trình triển khai. NHNN chi nhánh có trách nhiệm hướng dẫn, hõ trợ các Quỹ TDND trên địa bàn. |